

KẾ HOẠCH

Phát triển Giáo dục giai đoạn 2021 - 2025

I. Đánh giá kết quả phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2021.

Thực hiện các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch số 2182/KH-UBND ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre; Kế hoạch số 46/KH-THPT ngày 20 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường THPT Phan Liêm, qua 5 năm thực hiện kết quả phát triển của nhà trường đạt như sau:

1. Kết quả đạt được.

1.1. Quy mô phát triển lớp, học sinh.

Số lớp học hàng năm thực hiện đúng theo kết quả phê duyệt của Sở GD&ĐT; tuyển sinh khối 10 đạt chỉ tiêu được giao; tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt 100%.

Năm học	Khối 10		Khối 11		Khối 12		Tổng số		Ghi chú
	Số lớp	TS HS	Số lớp	TS HS	Số lớp	TS HS	Số lớp	TS HS	
2015 - 2016	9	394	8	343	6	251	23	988	
2016 - 2017	9	411	9	356	8	319	26	1.086	
2017- 2018	8	344	10	398	9	346	27	1.088	
2018 -2019	11	477	8	336	10	390	29	1.203	
2019 - 2020	10	438	11	467	8	329	29	1.234	

1.2. Chất lượng giáo dục.

Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định, thể hiện cụ thể: tỉ lệ học sinh được xếp loại hạnh kiểm tốt, khá và học lực giỏi, khá đều có chuyển biến tăng; tỉ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm đạt chỉ tiêu; hiệu quả đào tạo ở cấp THPT có nhiều chuyển biến tích cực; số học sinh giỏi các cấp được duy trì ổn định; trên 70% học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm trúng tuyển vào đại học, cao đẳng.

*** Kết quả xếp loại học lực:**

Năm học	Học lực đạt thực tế (%)				Học lực theo kế hoạch hàng năm (%)				Học lực theo kế hoạch 5 năm (%)			
	Giỏi	Khá	T.Bình	Yếu Kém	Giỏi	Khá	T. Bình	Yếu Kém	Giỏi	Khá	T. Bình	Yếu Kém
2015-2016	8,7	42,21	42,21	6,88	2,5	40	52,5	5	2	31	55	12
2016-2017	9,85	48,34	40,15	1,66	7	37	51	5	3	30	55	12
2017-2018	18,84	52,67	28,03	0,46	7	38	50	5	5	30	53	12
2018-2019	22,69	55,94	20,95	0,42	18	51	29	2	7	30	53	10
2019-2020	(310 em) 25,12 % Tăng 2,43%	(652 em) 52,84 % Giảm 3,1%	(267 em) 21,63% Tăng 0,68%	(05 em) 0,41% Giảm 0,01%	20	51	28	1	9	30	53	8

*** Kết quả xếp loại hạnh kiểm:**

Năm học	Hạnh kiểm đạt thực tế (%)				Hạnh kiểm theo kế hoạch hàng năm (%)				Hạnh kiểm theo kế hoạch 5 năm (%)			
	Tốt	Khá	T.Bình	Yếu	Tốt	Khá	T. Bình	Yếu	Tốt	Khá	T. Bình	Yếu
2015-2016	89,68	9,11	1,21	0	90	9	1	0	90	9	1	0
2016-2017	95,67	4,24	0,09	0	90	9	1	0	90	9	1	0
2017-2018	95,40	4,69	0	0				0	90	9	1	0
2018-2019	95,51	3,99	0,5	0				0	90	9	1	0
2019-2020	(1217 em) 98,62% Tăng 3,11%	(16 em) 1,3% Giảm 2,69%	(0 em) 0% Giảm 0,5%	(1 em) 0,08% Tăng 0,08%	90	9	0,5	0,5	90	9	1	0

*** Kết quả thi THPT:**

Năm học	Tỉ lệ đạt (%)	Tỉ lệ theo kế hoạch hàng năm (%)	Tỉ lệ theo kế hoạch 5 năm (%)
2015-2016	95,75	98	98
2016-2017	99,69	98	98
2017-2018	99,42	98	98
2018-2019	100	98	98
2019-2020	100	98	98

1.3. Tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học:

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày càng đồng bộ, chặt chẽ, tạo hiệu quả tốt trong phát triển giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành

mạnh. Các cấp học duy trì tốt tỉ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học, giảm học sinh bỏ học.

Năm học	Bỏ học		Lưu ban	
	SL	%	SL	%
2015 - 2016	24	2.37	11	1.01
2016 - 2017	29	2.6	17	1.57
2017- 2018	11	1.01	0	0
2018 -2019	21	1.70	0	0
2019 - 2020	10	0.79	0	0

1.4. Đầu tư các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1.4.1. Bồi dưỡng CBQL và cán bộ quy hoạch, giáo viên, nhân viên.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lí và cán bộ quy hoạch:

+ Thạc sĩ: 06.

+ Trình độ LLCT: 03.

+ QLGD: 03.

- Tổng số viên chức hiện có: 70 (Ban lãnh đạo: 4; nhân viên: 5; giáo viên: 61).

- Đội ngũ GV:

Năm học	Tổng số	ĐH	Ths	Ngoại ngữ (bậc 2/ tương đương)	Tin học (A/ tương đương)
2015 - 2016	52	48	3	36	48
2016 - 2017	53	49	4	38	50
2017- 2018	56	50	6	41	53
2018 -2019	64	53	11	61	64
2019 - 2020	63	53	10	61	63

- Đánh giá xếp loại viên chức hàng năm:

Năm học	Xuất sắc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ
2015 - 2016	9	46	1
2016 - 2017	16	41	1
2017- 2018	11	47	3
2018 -2019	6	58	1
2019 - 2020	5	63	0

*** Kết quả tham gia các hội thi tay nghề, đồ dùng dạy học các năm:**

Năm học	GVDG cấp trường	GVDG cấp tỉnh	GVCN cấp trường	SKKN	SP Đồ dùng DH
2015 - 2016	18	0	0	9/9	15
2016 - 2017	26	3	0	9/10	12
2017- 2018	23	0	0	9/18	9
2018 -2019	22	0	0	10/12	6
2019 - 2020	24	0	0	5/15	7

- Đội ngũ nhân viên:

Năm học	Tổng số	TrC	ĐH	Thạc sĩ	Ngoại ngữ (bậc 1/ tương đương)	Tin học (A/ tương đương)	Đạt chuẩn (%)
2015 - 2016	4	2	2	0	2	4	100%
2016 - 2017	4	2	2	0	2	4	100%
2017- 2018	5	2	3	0	3	5	100%
2018 -2019	5	2	3	0	4	5	100%
2019 - 2020	5	2	2	1	5	5	100%

- Các danh hiệu thi đua (cá nhân, tập thể):

Năm học	Tập thể lao động tiên tiến	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ TĐCS	Bằng khen UBND Tỉnh	Bằng khen Thủ tướng CP
2015 - 2016		62	09	05	0
2016 - 2017	01	62	09	03	0
2017- 2018	01	62	08	02	01
2018 -2019	01	67	06	03	0
2019 - 2020	01	73	06	0	0

- Công tác xây dựng Đảng:

Năm	Số lượng ĐV	%	Kết quả đánh giá của HU
2016	28/59	47.45	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2017	31/60	51.66	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2018	34/64	53.12	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2019	36/73	49.31	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2020	38/72 (đã chuyển đi 3) còn 35	52.78	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

1.4.2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Được Sở giáo dục và Bộ giáo dục đầu tư xây mới toàn bộ trụ sở và đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018.
- Được Sở giáo dục và Bộ giáo dục đầu tư đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên.
- Tiếp tục bổ sung xây dựng mới 06 phòng phục vụ học tập; mở rộng sân chơi bãi tập 2.000 m².
- Tiếp nhận cơ sở, trường tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, bảo dưỡng và quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo bộ mặt khang trang cho nhà trường.

1.4.3. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và đang tiếp tục bổ sung, sửa chữa, xây dựng các hạng mục chưa đủ theo Thông tư 13/2020 của Bộ Giáo dục. Phấn đấu trong học kì I năm học 2021-2022 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.4.4. Công tác xã hội hóa giáo dục.

Năm học	Số tiền (ước tính)	Ghi chú
2015 - 2016	75.770.000	
2016 - 2017	125.120.000	
2017- 2018	111.600.000	
2018 -2019	307.207.000	
2019 - 2020	213.570.000	
Tổng cộng	833.267.000	

2. Đánh giá chung.

2.1. Mặt làm tốt.

- Quy mô trường lớp phát triển, mở rộng, số lớp và số học sinh tăng dần. Hiện tại trường được phân loại là trường loại 1 duy nhất bậc THPT trong huyện.
- Cơ sở vật chất tương đối hoàn thiện, khang trang, sạch đẹp; trang thiết bị dạy học khá đầy đủ và được bổ sung hàng năm.
- Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên theo từng năm; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp năm sau cao hơn năm trước và đạt tỉ lệ 100% 3 năm liên tục. Chất lượng mũi nhọn cũng được nâng cao hàng năm.
- Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên đồng bộ, đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, tỉ lệ trên chuẩn khá cao, nhất là trong Ban lãnh đạo.
- Các đoàn thể trong nhà trường được củng cố, kiện toàn hàng năm và đi vào hoạt động đúng chức năng, phối hợp tốt với chính quyền nhà trường trong công tác.
- Công tác xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tốt, giúp đỡ, hỗ trợ tích cực cho học sinh nghèo, học sinh gặp khó khăn.
- An ninh, trật tự trường học được bảo đảm.

2.2. Hạn chế.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn chưa cao, chưa tương xứng với sự phát triển của nhà trường.
- Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn chưa đạt chỉ tiêu.

2.3. Nguyên nhân hạn chế.

- Trường không có nguồn học sinh giỏi đầu vào (do các em tập trung ở trường THPT Phan Thanh Giản).
- Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn chưa đạt là do hàng năm trường giải quyết chuyển công tác về đơn vị khác ở ngoài huyện có số lượng trên chuẩn khá nhiều. Hơn nữa trường cũng thành lập chưa lâu nên chưa có đủ thời gian đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên chuẩn.

II. Kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025.

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Kế hoạch số 1162/KH-UBND ngày 24/3/2017 của ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về Triển khai các nhiệm vụ của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025;
- Kế hoạch số 1356/KH-UBND ngày 26/3/2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2019-2020 và đến năm 2025;
- Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.
- Kế hoạch số 6853/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về phát triển Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025.
- Kế hoạch số 1276/KH-SGD&ĐT ngày 07/6/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre về phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025;
- Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Bến Tre, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ huyện Ba Tri, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường THPT Phan Liêm (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

2. Mục tiêu chung.

Nâng cao kết quả giáo dục nhà trường nhằm góp phần thực hiện thành công đổi mới toàn diện GD-ĐT của địa phương trên cơ sở khắc phục những hạn chế, yếu kém, kết hợp huy động mọi nguồn lực để tạo sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ công tác giáo dục của nhà trường theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin vào học tập, nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào thực tế.

Đảm bảo các điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, ưu tiên công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn; tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng đạt chuẩn Quốc gia và chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

3. Mục tiêu cụ thể.

3.1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh.

- Duy trì trường loại 1 có từ 28 lớp trở lên trong suốt giai đoạn 2021-2025.
- Tuyển sinh lớp 10 trung bình 9 đến 10 lớp/năm học.

3.2. Nâng cao chất lượng giáo dục.

- *Chất lượng giáo dục:*
- + Hạnh kiểm: Tốt 95 %; Khá 4.5%; Trung bình 0, 5%; Yếu 0%.
- + Học lực: Giỏi 25%; Khá 51%; Trung bình 23%; Yếu, Kém 1%
- + Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm từ 99 % trở lên.
- + Hiệu quả đào tạo đạt 80% trở lên.
- + Lên lớp thẳng 99%, lưu ban không quá 1%.
- + Bỏ học không quá 1,0 %.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn:

- + Có học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh 08 giải/ năm.
- + Có 03 sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật và tham gia Hội thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng cho mỗi năm học.

- + Đổ vào đại học, cao đẳng từ 70% trở lên.

- Về thực hiện đề án ngoại ngữ:

- + Năm học 2021-2022: dạy chương trình tiếng Anh mới cho tất cả học sinh khối 10, 11 và thực hiện 01 lớp 12 (tỉ lệ: 65%).
- + Từ năm học 2022 - 2023, 100% học sinh trường Phan Liêm sẽ học chương trình tiếng Anh mới.

3.3. Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

3.3.1. Đối với cán bộ quản lý giáo dục.

- Duy trì Ban lãnh đạo trường 3/3 người gồm 01 Hiệu trưởng, 02 phó Hiệu trưởng. Trong đó có 01 đạt chuẩn và 02 trên chuẩn. Cán bộ quản lý giáo dục đủ chuẩn về trình độ lý luận chính trị và quản lý giáo dục. Tỷ lệ trên chuẩn của cán bộ quản lý giáo dục là 66.67%.

- 100% cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên và đủ điều kiện để xếp hạng chức danh nghề nghiệp.
- 100% cán bộ quản lý giáo dục tham gia bồi dưỡng và hoàn thành đạt yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.
- 100% giáo viên trong diện quy hoạch đạt chuẩn lý luận chính trị và quản lý giáo dục.

3.3.2. Đối với giáo viên, nhân viên.

- 25% giáo viên có trình độ thạc sĩ (hiện tại có 09 thạc sĩ, tỉ lệ 14.75%).
- 66% giáo viên, nhân viên là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (hiện tại 37 đảng viên, tỉ lệ: 52.85%). Đảng bộ và các đoàn thể được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên và đủ điều kiện để xếp hạng chức danh nghề nghiệp.
- 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng và đạt yêu cầu về chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.
- 100% giáo viên, nhân viên được Hiệu trưởng đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó ít nhất 20% được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học.
- 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tham gia giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật trường học.

- Năm 2021 hoàn thiện sửa chữa bổ sung cơ sở vật chất đạt yêu cầu theo Thông tư 13, đăng ký đánh giá kiểm định chất lượng mức 2 và đề nghị công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia vào cuối năm 2021.
 - Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất: sửa chữa, mua sắm tài sản, thiết bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng; hoàn thiện sân chơi, bãi tập thể dục quốc phòng; chỉnh trang lại bộ mặt của nhà trường gồm khuôn viên và bên ngoài vỉa hè theo hướng xanh – sạch – năng động; bổ sung thiết bị các phòng bộ môn, thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; xây dựng thư viện xanh tiến tới đạt chuẩn thư viện tiên tiến.
 - Xây dựng khu trường niệm và đặt tượng Cụ Phan Liêm, mở rộng mái che mát trước sân sinh hoạt cờ cho học sinh; sửa chữa khu vệ sinh học sinh, trồng thêm cây xanh...
- ### **5. Công tác khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin.**
- Công tác khảo thí: 100% quy trình các kỳ thi tuyển sinh 10 và thi TN THPT được tổ chức và quản lý bằng phần mềm hỗ trợ nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch, an toàn và nghiêm túc.
 - Công tác kiểm định chất lượng giáo dục:

- + Năm học 2021-2022 hoàn thành công tác tự đánh giá và nộp hồ sơ đăng ký đánh giá ngoại, mục tiêu đạt mức 2 của kiểm định chất lượng giáo dục.
- + Từ năm 2022 đến năm 2025 trường tiếp tục cập nhật hoàn thiện minh chứng cho chu kỳ đánh giá tiếp theo và phấn đấu đạt mức 3 vào năm 2025.
- Duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia.
- Về ứng dụng công nghệ thông tin: phấn đấu đến năm 2025, trường thực hiện mô hình “Trường học ứng dụng công nghệ thông tin” mức nâng cao; 100% hồ sơ của giáo viên và học sinh chuyển đổi thành hồ sơ điện tử; 100% sổ sách trong nhà trường có thể quản lý bằng số điện tử; thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

6. Công tác chính trị tư tưởng.

- Ban hành đầy đủ chương trình, kế hoạch về công tác chính trị tư tưởng trong năm học.
- Tiếp tục quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật, chấp hành nội quy cho học sinh, nhất là ý thức chấp hành pháp luật về an toàn giao thông, phòng, chống ma túy, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.
- Tăng cường công tác nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng trong giáo viên, nhân viên, học sinh; tích cực xử lý các vấn đề phức tạp về chính trị, tư tưởng liên quan đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh để yên tâm giảng dạy, học tập, công tác.
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa, an ninh, trật tự, nề nếp trong trường học, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; chú trọng các hoạt động giáo dục giới tính; công tác tư vấn tâm lý học đường; ứng xử văn hóa trong học đường và trên môi trường mạng xã hội.
- Tăng cường vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam, giáo viên chủ nhiệm trong quản lý, giáo dục học sinh phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và bạo lực học đường.

III. Những giải pháp chủ yếu.

1. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới GD-ĐT.

- Tổ chức đánh giá thực trạng năng lực cán bộ quản lý, giáo viên để có giải pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên; nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử của đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên ngoại ngữ đáp ứng mục tiêu Đề án dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; đảm bảo việc bố trí giáo viên giảng dạy đúng theo chuẩn năng lực quy định.
- Tập trung thực hiện tốt công tác bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho đội ngũ nhà giáo; phát huy vai trò chủ động tích cực của tổ trưởng (nhóm trưởng) chuyên môn, nòng cốt chuyên môn trong tổ chức hoạt động dạy học, nghiên cứu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên; chính sách hỗ trợ giáo viên trẻ về điều kiện làm việc, nghiên cứu. Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các nhà trường tiên tiến trong và ngoài tỉnh; tiếp tục xây dựng lực lượng cán bộ quản lí, giáo viên nòng cốt trong công tác quản lí, giảng dạy đáp ứng nhiệm vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.
 - Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện Đảng bộ; củng cố, phát huy vai trò của Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên, Chi hội khuyến học trong trường học thật sự vững mạnh, hoạt động có nề nếp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm, đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong hoạt động dạy và học.
- 2. Chú trọng đổi mới công tác quản lí, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm, coi trọng quản lí chất lượng.**
- Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lí theo hướng tăng cường phân cấp quản lí, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đội ngũ cán bộ quản lí, tổ trưởng chuyên môn.
 - Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, định kỳ; kiểm tra, chấn chỉnh các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục: dạy thêm, học thêm không đúng quy định. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở; chú trọng công tác thi đua, khen thưởng.
 - Thực hiện công khai hoá về chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục và tài chính của các cơ sở giáo dục, thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Tập trung đổi mới phương pháp, hình thức dạy học đồng bộ với đổi mới kiểm tra, đánh giá đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

- Thực hiện tốt việc tư vấn, sắp xếp lớp học đáp ứng nguyện vọng của người học và điều kiện hiện có của nhà trường về công tác tổ chức dạy học các môn tự chọn trong tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cá nhân của người học; vận dụng các hình thức dạy học tích cực, chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học và vận dụng kiến thức vào thực tế; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Chú trọng việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu đồng thời quan tâm phụ đạo học sinh yếu, kém.
- Đổi mới nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học. Kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của thầy với tự đánh giá của học sinh; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.
- Phối hợp tốt với các cơ sở đào tạo, cơ sở sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh,... thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho học sinh, định hướng phân luồng sau THPT.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, các trang bị thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện đạt chuẩn tiên tiến, có đủ thiết bị tối thiểu phục vụ dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; trang bị các phần mềm ứng dụng trong tổ chức dạy học, từng bước số hóa các văn bản hành chính, các thủ tục hành chính trong quản lý nhà trường.
- Quan tâm trang bị các phương tiện, thiết bị để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục văn, thể, mỹ, giáo dục quốc phòng – an ninh, giáo dục kỹ năng sống,...; xây dựng môi trường trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

5. Thực hiện tốt công tác huy động sự đóng góp của xã hội trong nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Phối hợp với các ngành có liên quan kịp thời hỗ trợ cho học sinh diện chính sách, có hoàn cảnh khó khăn. Hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài giúp học sinh có hoàn cảnh khó khăn học giỏi.
- Đẩy mạnh xã hội hóa để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh.

6. Thực hiện tốt công tác phối hợp giáo dục.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các Quy chế phối hợp giữa Chính quyền nhà trường với các Đoàn thể trong và ngoài nhà trường; chú trọng phối hợp với Chính quyền địa phương trong công tác xây dựng trường học an toàn, chống bỏ học, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bảo đảm an ninh, trật tự trường học.
- Phối hợp tốt với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh,... đảm bảo thiết thực, có hiệu quả.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh trong việc giáo dục ý thức tự học, tự nghiên cứu; phát huy năng lực, năng khiếu của học sinh; giáo dục ý thức sử dụng các trang mạng xã hội phù hợp, an toàn; khai thác tốt công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

7. Kinh phí thực hiện.

1. Nguồn ngân sách được cấp hàng năm.
2. Nguồn học phí thu từ cha mẹ học sinh.
3. Các nguồn thu khác của nhà trường trong Đề án cho thuê tài sản.
4. Nguồn vận động tài trợ cho giáo dục.

Hàng năm, căn cứ từ nguồn kinh phí nêu trên, nhà trường tiến hành xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ bám sát nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ trong đó ưu tiên các nhiệm vụ giải pháp: nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo đội ngũ, mua sắm trang thiết bị dạy học.

IV. Tổ chức thực hiện.

- Kế hoạch xây dựng thông qua và xin ý kiến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị; trình thông qua Hội đồng trường, Đảng ủy nhà trường cho ý kiến phê duyệt.

Trên cơ sở kết quả được phê duyệt, các bộ phận trong nhà trường, các Đoàn thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng cụ thể hóa kế hoạch và tổ chức thực hiện, hàng năm tổ chức đánh giá kết quả rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện và báo cáo chính quyền nhà trường. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về chính quyền nhà trường để xin ý kiến chỉ đạo và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT;
- Huyện ủy Ba Tri;
- UBND huyện;
- Đảng ủy;
- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu;
- Các TCM, VP, Đoàn thể } (để thực hiện);
- Lưu: VT.

(để báo cáo);

HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Văn Chính